

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi
trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Giao thông vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1228/TTr-SGTVT ngày 27 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi (05 TTHC) trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế (Phần I. Danh mục TTHC sửa đổi tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

1. Cập nhật các thủ tục hành chính được công bố vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định; Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC liên quan (nếu có), hoàn thành việc cấu hình thủ tục hành chính trên phần mềm hệ thống xử lý dịch vụ công tập trung.

2. Niêm yết, công khai theo quy định các thủ tục hành chính đã được ban hành tại Quyết định này.

3. Triển khai thực hiện giải quyết các TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định này (*Phần II. Nội dung cụ thể của TTHC tại phụ lục kèm theo*) kèm theo các nội dung đã được Bộ Giao thông vận tải công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>) và UBND tỉnh công khai trên Cổng dịch vụ công tỉnh (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn/>) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.

1. Các thủ tục hành chính số 01, 02, 04 và 05 tại phụ lục của Quyết định này thay thế các thủ tục hành chính số 19, 20, 22 và 24 tại phụ lục của Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Thủ tục hành chính số 03 tại phụ lục của Quyết định này thay thế thủ tục hành chính tại phụ lục của Quyết định số 2949/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: PCVP và các PCVP;
- TTPVHCC, CV: GT;
- Lưu: VT, KN2.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Hải Minh



Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
1	1.001001	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	05 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế).	40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận; riêng đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ: 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận (không bao gồm xe cứu thương)	Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn	Sở GTVT
2	1.005018	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo	03 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới tỉnh Thừa Thiên Huế	40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận; riêng đối với xe ô tô con	Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
					dưới 10 chỗ: 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận (không bao gồm xe cứu thương)	08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn	
3	1.001261	Cấp Giấy chứng nhận, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	01 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới tỉnh Thừa Thiên Huế	40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận; riêng đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ: 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận (không bao gồm xe cứu thương)	Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới
4	1.005103	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe	03 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Chi cục Đăng kiểm số 13, Số 03 Phan Đình Phùng,	40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận	Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một	Chi cục Đăng kiểm số

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		máy chuyên dùng trong khai thác, sử dụng		TP Huế		số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn	13
5	1.005005	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ	02 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới tỉnh Thừa Thiên Huế	40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận	Thông tư số 36/2022/TT- BTC ngày 16/6/2022 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ thẩm định thiết kế tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh (01 đường Lê Lai - thành phố Huế) nơi tổ chức/cá nhân đặt trụ sở hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Cán bộ tiếp nhận Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tiếp nhận hồ sơ phù hợp với thủ tục hành chính; cán bộ Bộ phận HC-TH tại Trung tâm phục vụ Hành chính công: số hóa thành phần hồ sơ và chuyển hồ sơ điện tử về Phòng Quản lý vận tải và phương tiện.

- Phòng Quản lý vận tải và phương tiện phân công chuyên viên nghiên cứu, thẩm định hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì lập phiếu bổ sung hồ sơ chuyển Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm phục vụ Hành chính công để hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác);

+ Nếu thiết kế đạt yêu cầu, sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế, cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế. Trường hợp không cấp, thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định.

- Bộ phận TNTKQ tại Trung tâm phục vụ Hành chính công: Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức/cá nhân.

Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

+ Từ thứ hai đến thứ sáu: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30; Buổi chiều: từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00.

+ Thứ bảy: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh (hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế (bản chính) theo mẫu;

- 04 bộ hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo có thành phần theo quy định của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT;

- Tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế (bản sao có xác nhận của cơ sở thiết kế);

- Bản sao có xác nhận của cơ sở thiết kế của một trong các giấy tờ sau: Giấy Đăng ký xe ô tô; Phiếu sang tên, di chuyển (đối với trường hợp đang làm thủ tục sang tên, di chuyển); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy tờ chứng nhận đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu (đối với xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu, chưa có biển số đăng ký).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ);

1.4. Thời gian giải quyết: 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cải tạo xe cơ giới.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.

1.8. Phí, lệ phí, giá:

- Giá dịch vụ thẩm định thiết kế xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cải tạo 300.000 đồng/chiếc.

- *Lệ phí cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận; riêng đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ: 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận (không bao gồm xe cứu thương).*

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 về việc quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT, ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ GTVT, quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.
- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất

lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

- Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm.

- *Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.*

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi.

- Mẫu đơn, tờ khai:

PHỤ LỤC III

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XE CƠ GIỚI CẢI TẠO
(Ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(CƠ SỞ THIẾT KẾ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

V/v: thẩm định thiết kế

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Thừa Thiên Huế

Căn cứ Thông tư số/2014/TT-BGTVT ngày .../.../2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

(Cơ sở thiết kế) có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ... ngày .../.../.... của (cơ quan cấp); đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam (Sở Giao thông vận tải) thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo sau:

- **Tên thiết kế:** (tên thiết kế)

- **Ký hiệu thiết kế:** (ký hiệu thiết kế)

1. Đặc điểm xe cơ giới:

- Biển số đăng ký (nếu đã được cấp):

- Số khung:

- Số động cơ:

- Nhãn hiệu - số loại:

2. Nội dung cải tạo chính:

(Ghi tóm tắt đầy đủ các nội dung thiết kế cải tạo thay đổi của xe cơ giới)

3. Thông số kỹ thuật trước và sau cải tạo:

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe cơ giới trước cải tạo	Xe cơ giới sau cải tạo
1	Loại phương tiện			
2	Kích thước bao ngoài (dài x rộng x cao)	mm		
3	Chiều dài cơ sở	mm		
4	Vết bánh xe (trước/sau)	mm		
5	Khối lượng bản thân	kg		
6	Số người cho phép chở	người		
7	Khối lượng hàng chuyên chở CPTGGT	kg		
8	Khối lượng toàn bộ CPTGGT	kg		
.....	Các thông số kỹ thuật khác của xe cơ giới có thay đổi do cải tạo			

(Cơ sở thiết kế) xin chịu trách nhiệm về nội dung thiết kế và hồ sơ xe cơ giới cải tạo.

CƠ SỞ THIẾT KẾ

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2. Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo.

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo quy định trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới.

- Tổ chức, cá nhân chuẩn bị phương tiện và đưa đến nghiệm thu theo yêu cầu (thời gian, địa điểm) của Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn theo đề nghị của tổ chức, cá nhân về thời gian và địa điểm kiểm tra xe cơ giới cải tạo.

- Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới tiến hành kiểm tra thực tế xe cơ giới cải tạo: Nếu kết quả nghiệm thu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu. Trường hợp không cấp, cơ quan nghiệm thu thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả nghiệm thu cho tổ chức, cá nhân.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới: trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

+ Từ thứ hai đến thứ sáu: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30; Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 30.

+ Thứ bảy: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và nhận Giấy chứng nhận trực tiếp tại bộ phận TN và TKQ Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới.

2.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo mẫu;
- Thiết kế đã được thẩm định. Đối với trường hợp miễn thiết kế phải có bản vẽ tổng thể xe cơ giới sau cải tạo do cơ sở cải tạo lập;
- Ảnh tổng thể chụp góc khoảng 45 độ phía trước và phía sau góc đối diện của xe cơ giới sau cải tạo; ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành cải tạo;
- Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo;
- Bảng kê các tổng thành, hệ thống thay thế mới theo mẫu;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở cải tạo các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế và tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành cải tạo;

- Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với cần cẩu, xi téc chở hàng nguy hiểm, xi téc chở khí nén, khí hóa lỏng và các thiết bị chuyên dùng theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ);

2.4. Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cải tạo xe cơ giới.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo.

2.8. Phí, lệ phí:

- Phí nghiệm thu thực hiện theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

- *Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận; riêng đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ: 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận (không bao gồm xe cứu thương).*

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo;
- Bảng kê các tổng thành, hệ thống thay thế mới.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 về việc quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT, ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải, quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe

cơ giới, thiết bị xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi.

- Mẫu đơn, tờ khai:

PHỤ LỤC VII

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ NGHIỆM THU XE CƠ GIỚI CẢI TẠO
(Ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(CƠ SỞ CẢI TẠO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ NGHIỆM THU XE CƠ GIỚI CẢI TẠO

(Cơ sở cải tạo) đề nghị (cơ quan nghiệm thu) kiểm tra chất lượng xe cơ giới cải tạo như sau:

1. Đặc điểm xe cơ giới cải tạo:

- Biển số đăng ký (nếu đã được cấp):

- Số khung:

- Số động cơ:

- Nhãn hiệu- số loại:

2. Căn cứ thi công cải tạo: Thiết kế có ký hiệu của (Cơ sở thiết kế) đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam/Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo số ngày/.../....

3. Nội dung thi công cải tạo:

(Ghi tóm tắt đầy đủ các nội dung thiết kế cải tạo thay đổi của xe cơ giới)

(Cơ sở cải tạo) xin chịu trách nhiệm về các nội dung đã được thi công trên xe cơ giới cải tạo.

CƠ SỞ CẢI TẠO

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC VIII

MẪU BẢNG KÊ CÁC HỆ THỐNG, TỔNG THÀNH THAY THỂ MỚI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(CƠ SỞ CẢI TẠO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

BẢNG KÊ CÁC HỆ THỐNG, TỔNG THÀNH THAY THỂ MỚI

Biên số đăng ký:

Nhãn hiệu- số loại:

Số khung:

Số động cơ:

Ký hiệu thiết kế:

TT	Tổng thành, hệ thống	Nguồn gốc			Nơi sản xuất ⁽²⁾	Số Giấy chứng nhận ⁽³⁾
		Nhập khẩu	Tự sản xuất	Mua trong nước ⁽¹⁾		
1. Động cơ						
1.1	...					
2. Hệ thống lái						
3. Hệ thống phanh						
3.1	Bình khí nén					
3.2	...					
4. Hệ thống điện, đèn chiếu sáng và tín hiệu						
4.1	Đèn chiếu sáng phía trước					
4.2						
.....						

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với trường hợp sử dụng lại động cơ của xe cơ giới đã qua sử dụng thì ghi rõ biên số/số khung của xe tháo động cơ để sử dụng.

⁽²⁾ Phụ tùng nhập khẩu ghi nước sản xuất; phụ tùng mua trong nước ghi rõ tên và địa chỉ Cơ sở sản xuất.

⁽³⁾ Áp dụng với chi tiết, hệ thống, tổng thành phải có Giấy chứng nhận.

3. Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Kiểm định tại đơn vị đăng kiểm: Tổ chức, cá nhân đưa xe cơ giới và các giấy tờ theo quy định đến Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới để kiểm định.

- Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: Tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị đến đơn vị đăng kiểm.

b) Giải quyết TTHC:

*** Kiểm định tại đơn vị đăng kiểm:**

Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới tiếp nhận giấy tờ và thực hiện kiểm định theo trình tự quy định cụ thể như sau:

- Tiếp nhận, kiểm tra, tra cứu cảnh báo, đối chiếu hồ sơ với dữ liệu trên Chương trình Quản lý kiểm định, nếu không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện lại; nếu đầy đủ thì đăng ký kiểm định, thực hiện kiểm tra, đánh giá tình trạng ATKY và BVMT của xe cơ giới và in Phiếu kiểm định;

- Xe cơ giới kiểm định đạt yêu cầu, Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới trả Giấy chứng nhận kiểm định và dán Tem kiểm định cho phương tiện. Đối với xe cơ giới chỉ có Giấy hẹn cấp đăng ký xe, Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới cấp Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe, khi chủ xe xuất trình giấy tờ về đăng ký xe, Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới phô tô để lưu trong Hồ sơ phương tiện, hồ sơ kiểm định và trả Giấy chứng nhận kiểm định. Trường hợp xe cơ giới có thông báo kiểm định không đạt trên cổng thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam thì đơn vị đăng kiểm xóa thông báo;

- Xe cơ giới kiểm định nếu có hạng mục khiếm khuyết, hư hỏng, Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới in và gửi Thông báo hạng mục khiếm khuyết, hư hỏng cho chủ xe để sửa chữa, khắc phục. Trường hợp kiểm định không đạt và không được cấp Giấy chứng nhận kiểm định thì Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới phải nhập nội dung không đạt vào mục cảnh báo phương tiện không đạt trên cổng thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

*** Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm:**

- Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới kiểm tra, xem xét đề nghị của chủ xe, nếu đúng đối tượng theo quy định và đủ điều kiện đường thử thì trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ xe, Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới có văn bản thông báo cho chủ xe về thời gian kiểm tra. Trường hợp không đủ điều kiện đường thử thì có văn bản thông báo cho chủ xe và nêu rõ lý do.

- Chủ xe đưa xe đến địa điểm kiểm tra, Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới tiến hành kiểm định xe cơ giới theo trình tự và cách thức thực hiện theo quy định như đối với kiểm định tại đơn vị đăng kiểm.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

+ Từ thứ hai đến thứ sáu: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30; Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 30.

+ Thứ bảy: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Kiểm định tại đơn vị đăng kiểm: đưa xe đến Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới và nộp giấy tờ trực tiếp;

- Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

3.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Kiểm định tại đơn vị đăng kiểm:

+ Xuất trình: giấy tờ về đăng ký xe (bản chính Giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc Giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thể chấp của tổ chức tín dụng) hoặc Giấy hẹn cấp Giấy đăng ký;

+ Nộp bản sao Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe cơ giới sản xuất, lắp ráp trong nước (trừ xe cơ giới thanh lý) đối với trường hợp kiểm định lần đầu;

+ Nộp bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT xe cơ giới cải tạo đối với trường hợp xe cơ giới mới cải tạo.

+ Thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và địa chỉ trang thông tin điện tử quản lý thiết bị giám sát hành trình, camera đối với xe cơ giới thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình, camera;

+ Khai báo về việc kinh doanh vận tải vào Phiếu theo dõi hồ sơ theo mẫu.

- Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm:

+ Văn bản đề nghị theo mẫu;

+ Xuất trình: giấy tờ về đăng ký xe (bản chính Giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc Giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thể chấp của tổ chức tín dụng) hoặc Giấy hẹn cấp Giấy đăng ký;

+ Nộp bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT xe cơ giới cải tạo đối với trường hợp xe cơ giới mới cải tạo.

+ Thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và địa chỉ trang thông tin điện tử quản lý thiết bị giám sát hành trình, camera đối với xe cơ giới thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình, camera;

+ Khai báo về việc kinh doanh vận tải vào Phiếu theo dõi hồ sơ theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong ngày làm việc.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới.

3.8. Phí, lệ phí:

- *Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định; riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định.*
- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Phiếu theo dõi hồ sơ;
- Văn bản đề nghị kiểm định ngoài đơn vị.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Đối với xe cơ giới hoạt động tại các vùng đảo không có đường bộ để di chuyển đến đơn vị đăng kiểm; xe cơ giới hoạt động tại các khu vực bảo đảm về an toàn, an ninh, quốc phòng không đủ điều kiện đưa xe tới đơn vị đăng kiểm; xe cơ giới đang thực hiện các nhiệm vụ cấp bách (phòng chống thiên tai, dịch bệnh) thì được kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12/08/2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

- *Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.*

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi.

PHIẾU THEO DÕI HỒ SƠ

PHIẾU THEO DÕI HỒ SƠ

Ngàytháng năm

Số:

.....(1)

Biển số Đăng ký

.....

Danh mục			Các lần kiểm định trong ngày			Ghi chú
			Lần1	Lần 2	Lần 3	
HỒ SƠ CỦA XE CƠ GIỚI	1	Đăng ký/ giấy hẹn				
	2	Bản sao Phiếu chất lượng xuất xưởng				
	4	Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo				
	5	Các giấy tờ khác (Giấy chứng nhận,...)				
HỒ SƠ PHƯƠNG TIỆN ⁽²⁾	Số seri Phiếu lập hồ sơ phương tiện					
HỒ SƠ KIỂM ĐỊNH ⁽²⁾	Số Phiếu kiểm định					
CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH ⁽²⁾	Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định					Ghi "không cấp Tem kiểm định" nếu xe không được cấp Tem kiểm định

Kinh doanh vận tải: có ☐ không ☐

Kiểm định cấp giấy chứng nhận thời hạn 15 ngày⁽³⁾ ☐

Điện thoại chủ xe/lái xe (nếu có):
.....

Chủ xe/lái xe
(ký và ghi rõ họ tên)

Người lập Phiếu
(ký và ghi rõ họ tên)

Chú ý: - Ghi đầy đủ các nội dung trong Phiếu vào các ô tương ứng. Cấp chứng chỉ

kiểm định ở lần nào, đánh dấu vào ô tương ứng với lần đó.

- (1): Số Phiếu được lấy theo số thứ tự xe cơ giới vào kiểm định trong ngày.
- (2): Đơn vị đăng kiểm phân công người chịu trách nhiệm hoàn thiện nội dung của mục này trong Phiếu phân công nhiệm vụ kiểm định.
- (3): Trường hợp kiểm định cấp Giấy chứng nhận kiểm định có thời hạn 15 ngày thì đánh dấu vào mục kiểm định cấp Giấy chứng nhận thời hạn 15 ngày.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH NGOÀI ĐƠN VỊ

Tên tổ chức, cá nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng..... năm.....

Vv đề nghị kiểm định ngoài
đơn vị đăng kiểm

Kính gửi: Đơn vị đăng kiểm

Căn cứ Thông tư số /2021/TT-BGTVT ngày...tháng...năm 2021 của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:; Email:

Hiện tại (tổ chức, cá nhân) có số lượng xe là:

Danh sách xe

STT	Biển số	Số khung	Số máy	Ngày hết hạn kiểm định
1	69C-12345			
2				

Đề nghị đơn vị đăng kiểm đến địa điểm: để
kiểm tra xe cho (tổ chức, cá nhân) từ ngày .../.../... đến ngày
.../.../....Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

4. Cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng trong khai thác, sử dụng.

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông theo quy định trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Chi Cục Đăng kiểm 13.

- Tổ chức, cá nhân chuẩn bị phương tiện và thỏa thuận địa điểm, thời gian kiểm tra xe.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Chi Cục Đăng kiểm 13 nhận hồ sơ: kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; nếu hồ sơ đầy đủ, viết giấy hẹn kiểm tra;

- Cùng với ĐKV xác nhận vào Biên bản kiểm tra, sau khi kiểm tra xong. Nếu xe máy chuyên dùng đạt tiêu chuẩn ATK&BVMT (QCVN 13:2011/BTTTT) dán tem kiểm định. Nếu xe máy chuyên dùng không đạt tiêu chuẩn ATK&BVMT (QCVN 13:2011/BTTTT) Chủ phương ký xác nhận vào biên bản kiểm tra, đi sửa chữa và đến Chi cục làm thủ tục để để kiểm tra lại.

- Bộ phận chuyên môn của Chi Cục Đăng kiểm 13 tiến hành kiểm định, in giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định trình lãnh đạo đơn vị đăng kiểm ký.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Chi cục làm thủ tục để: trả sổ kiểm định cùng giấy chứng nhận kiểm định cho chủ phương tiện và chuyển tem kiểm định cho đăng kiểm viên dán vào xe.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

+ Từ thứ hai đến thứ sáu: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30; Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 30.

+ Thứ bảy: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30.

4.2. Cách thức thực hiện: Nộp giấy tờ và nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Chi cục đăng kiểm 13.

4.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Giấy đề nghị kiểm tra ATK&BVMT xe máy chuyên dùng trong khai thác sử dụng.

- Một trong các tài liệu sau đây đối với Xe kiểm tra lần đầu:

+ Bản chính hoặc bản điện tử Chứng chỉ chất lượng;

+ Bản sao Phiếu xuất xưởng;

+ Bản sao tài liệu kỹ thuật có bản vẽ tổng thể và thông số kỹ thuật cơ bản của Xe hoặc bản đăng ký thông số kỹ thuật Xe do tổ chức, cá nhân lập đối với Xe được nhập khẩu hoặc sản xuất, lắp ráp trước ngày 01 tháng 12 năm 2009 (ngày Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng có hiệu lực).

- Bản chính Giấy chứng nhận cải tạo đối với Xe có cải tạo.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4.4. Thời gian giải quyết: 03 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi Cục Đăng kiểm 13.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận, Sổ kiểm định và Tem kiểm định.

4.8. Phí, lệ phí:

- Phí kiểm định thực hiện theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

- *Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 40.000 đồng.*

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị kiểm tra ATK&BVMT xe máy chuyên dùng trong khai thác sử dụng.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng;

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

- *Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm*

2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi.

- Mẫu đơn, tờ khai:

PHỤ LỤC XIX

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG TRONG KHAI THÁC SỬ DỤNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG TRONG KHAI
THÁC SỬ DỤNG**

(Sử dụng khi đề nghị kiểm tra ngoài đơn vị kiểm tra)

Kính gửi:

Chủ sở

hữu:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Đề nghị đến kiểm tra các loại xe máy chuyên dùng được liệt kê ở bảng sau:

TT	Loại xe máy chuyên dùng	Biển đăng ký/ Số khung	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Thời gian kiểm tra	Địa điểm kiểm tra

Mọi thông tin xin liên hệ với Ông/Bà theo số điện thoại:; số

Fax:

....., ngày... tháng... năm...

Người đề nghị

(ký và ghi rõ họ tên)

5. Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ kiểm tra lưu hành tại Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc. Nếu đầy đủ, hợp lệ thì hẹn ngày kiểm tra theo địa điểm chủ xe đăng ký.

- Trung tâm đăng kiểm thực hiện kiểm tra: Xe kiểm tra đạt yêu cầu, Trung tâm đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận lưu hành và Tem lưu hành sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu. Xe kiểm tra có kết quả không đạt, Trung tâm đăng kiểm thông báo hạng mục kiểm tra không đạt của xe cho chủ xe biết để sửa chữa, khắc phục và kiểm tra lại.

- Thời gian nộp hồ sơ và nhận kết quả:

+ Từ thứ hai đến thứ sáu: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30; Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 30.

+ Thứ bảy: Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới: trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

5.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Các giấy tờ phải nộp:

+ Văn bản đề nghị kiểm tra của tổ chức, cá nhân theo mẫu quy định đối với trường hợp không đưa được xe đến Đơn vị đăng kiểm;

+ Bản sao Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với trường hợp xe sản xuất, lắp ráp trong nước kiểm tra lưu hành lần đầu của các xe có đăng ký lần đầu sau ngày Thông tư này có hiệu lực).

- Các giấy tờ phải xuất trình:

+ Bản chính Giấy đăng ký xe hoặc bản sao Giấy đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng đang giữ Bản chính Giấy đăng ký xe đó hoặc bản sao Giấy đăng ký xe có xác nhận của cơ quan cho thuê tài chính đang giữ Bản chính Giấy đăng ký xe đó;

+ Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực;

+ Văn bản chấp thuận của cơ quan địa phương có thẩm quyền về khu vực cho phép xe của tổ chức cá nhân hoạt động còn hiệu lực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

5.4. Thời gian giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận lưu hành và Tem lưu hành.

5.8. Phí, lệ phí:

- Thực hiện theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

- *Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng.*

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị kiểm tra của tổ chức, cá nhân.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Thỏa mãn yêu cầu quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong lưu hành xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ theo Phụ lục VIII của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế;

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

- *Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.*

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi.

Mẫu: **VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH**

XE CHỖ NGƯỜI BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ

Tên tổ chức, cá nhân

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Số: /
Vv đề nghị kiểm tra cấp giấy
chứng nhận lưu hành cho xe bốn
bánh chở người

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Đơn vị đăng kiểm

Căn cứ Thông tư số /2014/TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế;

Tên tổ chức, cá nhân.....

Địa chỉ:.....

Hiện tại (tổ chức, cá nhân)..... có số lượng Xe là:

Danh sách Xe

STT	Biển số	Số khung	Số máy (nếu có)	Ngày hết hạn
1	29HC-12345			
2				

Đề nghị Đơn vị đăng kiểm.....đến địa điểm:.....từ ngày.../.../... đến ngày.../.../... để kiểm tra Xe cho (tổ chức, cá nhân).....

Tổ chức, cá nhân

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

